

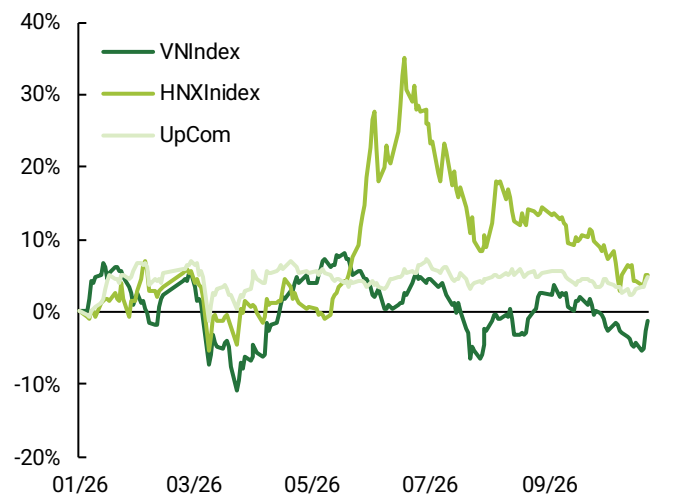
VN-Index **1760.63 (1.26%)**
 731 Tr. cổ phiếu 15374.3 Tỷ VND (-24.60%)

HNX-Index **261.08 (-0.23%)**
 56 Tr. cổ phiếu 870.8 Tỷ VND (-22.26%)

UPCOM-Index **126.91 (0.53%)**
 23 Tr. cổ phiếu 397.6 Tỷ VND (-54.21%)

VN30F1M **1894.00 (0.11%)**
 165,345 HD OI: 31,651 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1760.6, tăng 22.0 điểm (+1.26%). Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, tăng 12.4 điểm (+0.66%); trong khi HNXIndex giảm 0.6 điểm (-0.23%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số duy trì đà tăng nhờ động lực chính từ nhóm Vin, song, độ rộng thị trường lại nghiêng về bên bán, cho thấy đà tăng chưa lan tỏa rộng. Đáng chú ý, khối ngoại tiếp tục mua ròng nhẹ.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+3.6%), VIC (+4.2%), HDC (+4.5%) | Dầu khí: PLX (+2.0%), BSR (+3.9%), PVD (+5.0%) | Du lịch và Giải trí: SCS (+1.6%), VPL (+2.4%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (+2.6%), GEE (+2.8%), GMD (+4.5%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: LPB (-1.8%), KLB (-1.8%), SSB (-1.2%) | Hàng cá nhân & Gia dụng: PNJ (-3.1%), GIL (-0.6%) | Ô tô và phụ tùng: CSM (-0.8%), VVS (-0.8%), CTF (-0.3%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, BSR, VPL, TCX - Chiều giảm | BID, LPB, TCB, MBB, VCB.
- Khối ngoại Mua ròng hơn 300 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, TCB, VHM, trong khi bán ròng FPT, KDC, STB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** duy trì đà phục hồi, được củng cố bởi tín hiệu MACD cắt lên đường Signal và RSI cải thiện về vùng trung tính. Tuy nhiên, chỉ số đang tiến sát vùng kháng cự 1770 - 1780 điểm trong bối cảnh thanh khoản suy yếu, độ rộng thị trường cũng kém đi và đà tăng phụ thuộc lớn vào nhóm vốn hóa lớn. Do đó, khả năng vượt cản cần được xác nhận bằng sự cải thiện của thanh khoản và độ rộng thị trường các phiên tới. Trái lại, áp lực chốt lời có thể khiến chỉ số gia tăng rung lắc và điều chỉnh, với vùng 1720 điểm là ngưỡng hỗ trợ quan trọng để duy trì cấu trúc phục hồi.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số trở lại giằng co quanh khu vực 260 điểm. Mục tiêu nhịp hồi có thể hướng tới kiểm định lại khu vực 270 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 255 điểm.
- **Chiến lược:** Ưu tiên nắm giữ, tỷ trọng duy trì quanh mức trung bình. Chiều mua mới phù hợp với vị thế lướt sóng ngắn hạn theo dòng tiền. Nhà đầu tư nên tập trung vào các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật cải thiện rõ ràng, tận dụng điểm mua khi giá điều chỉnh thay vì mua đuổi theo nhịp hồi phục của chỉ số. Vùng 1770 - 1780 điểm là khu vực cần nhắc chốt lời dần nếu tín hiệu thị trường suy yếu. Các nhóm ngành đang có dòng tiền cải thiện đáng chú ý như Ngân hàng, Đầu tư công, nhóm Xuất khẩu (dệt may, thủy sản...).

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua ANV, TCH (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,760.6	▲	1.3%	3.7%	-3.1%	15,374.3	▼	-24.6%	2.0%	18.0%	731.3	▼	-28.4%	6.7%	35.3%	
HNX-Index	261.1	▼	-0.2%	0.7%	-5.7%	870.8	▼	-22.3%	-3.4%	32.5%	55.9	▼	-30.1%	-10.1%	28.8%	
UPCOM-Index	126.9	▬	0.5%	2.2%	0.6%	397.6	▼	-54.2%	-55.7%	-3.8%	23.1	▼	-39.2%	-20.0%	11.1%	
VN30	1,893.0	▬	0.7%	2.7%	-3.7%	8,338.9	▼	-19.4%	-7.0%	22.8%	262.1	▼	-21.4%	-10.9%	37.3%	
VNMID	1,878.2	▬	0.3%	4.1%	-0.5%	5,864.3	▼	-30.5%	14.3%	17.2%	325.4	▼	-34.3%	2.5%	19.7%	
VNSML	1,256.6	▬	0.6%	2.9%	1.8%	989.6	▼	-24.4%	21.4%	11.9%	77.6	▼	-27.8%	21.0%	33.1%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	616.9	▼	-0.2%	1.24%	-2.3%	4,658.1	▼	-23.0%	-3.3%	-6.3%	232.7	▼	-28.4%	-3.4%	-1.6%	
Bất động sản	979.5	▲	3.5%	7.2%	-4.4%	2,685.3	▼	-28.1%	9.5%	5.4%	112.8	▼	-37.3%	4.0%	4.2%	
Dịch vụ tài chính	260.1	▬	0.4%	4.2%	-3.9%	1,640.1	▼	-35.6%	-2.8%	1.3%	94.7	▼	-37.4%	-6.5%	-1.0%	
Công nghiệp	241.7	▲	1.2%	5.7%	5.1%	1,229.4	▼	-28.0%	22.2%	20.9%	50.0	▼	-32.0%	21.2%	29.2%	
Tài nguyên cơ bản	472.8	▬	0.4%	2.7%	1.4%	490.6	▼	-42.4%	-15.3%	-17.4%	30.0	▼	-41.4%	-13.9%	-11.7%	
Xây dựng - Vật Liệu	157.2	▬	0.2%	3.2%	2.7%	592.3	▼	-11.9%	17.3%	44.3%	35.7	▼	-17.5%	10.3%	37.0%	
Thực phẩm	494.2	▬	0.1%	1.7%	-0.6%	1,143.3	▼	-4.6%	8.7%	-23.5%	29.2	▼	-1.0%	-1.7%	-7.1%	
Bán Lẻ	1,450.6	▬	0.1%	3.1%	4.2%	311.5	▼	-47.1%	-30.4%	-51.4%	4.7	▼	-34.9%	-18.6%	-45.9%	
Công nghệ	342.0	▬	0.0%	-0.8%	-13.1%	593.5	▼	-3.0%	55.6%	50.4%	11.0	▼	-7.0%	47.8%	38.5%	
Hóa chất	168.9	▬	0.4%	3.1%	0.2%	389.9	▲	33.6%	47.1%	14.6%	14.2	▲	11.9%	35.7%	8.5%	
Tiện ích	740.0	▬	0.5%	2.2%	-4.8%	298.9	▲	38.5%	35.9%	13.1%	11.6	▲	7.2%	9.7%	-5.9%	
Dầu khí	114.2	▲	3.6%	3.2%	-5.1%	618.7	▲	15.1%	45.56%	-9.1%	25.6	▲	32.4%	61.2%	-0.8%	
Dược phẩm	387.5	▼	-0.5%	0.7%	-0.6%	40.1	▲	5.4%	-40.1%	-27.0%	1.4	▲	1.4%	-42.0%	-32.0%	
Bảo hiểm	106.7	▬	0.6%	-2.9%	-1.3%	57.0	▼	-44.3%	-24.3%	-32.0%	1.1	▼	-36.5%	-13.6%	-19.6%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,760.6 ▲	1.26%	-1.3%	13.3x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,563 ▬	0.42%	24.1%	14.7x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,388 ▲	1.12%	-37.7%	11.8x	1.4x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,965 ▬	0.07%	-2.8%	14.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,780 ▼	-0.72%	-4.5%	8.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,658 ▼	-1.48%	-7.8%	16.1x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	22,935 ▼	-3.03%	-10.5%	11.6x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	62,908 ▼	-2.65%	25.0%	20.5x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,757 ▬	0.58%	13.3%	26.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	52,856 ▬	0.69%	10.0%	23.1x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,716 ▼	-0.34%	7.9%	14.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,116 ▼	-1.48%	5.6%	16.8x	2.4x
DXV		101.8 ▬	0.12%	3.6%		
USDVND		25,845 ▼	-0.054%	-1.7%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

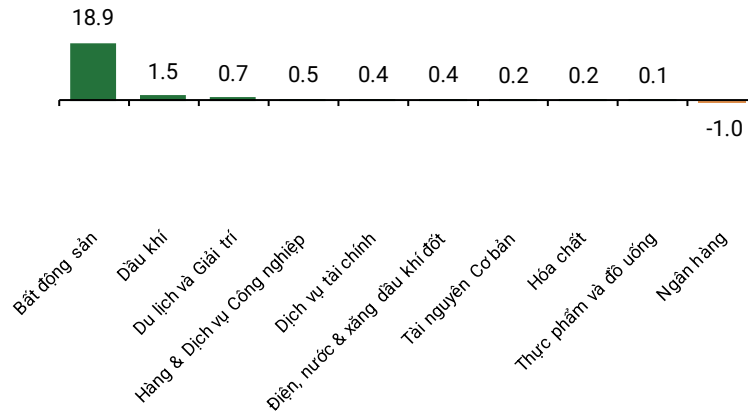
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	3.00%	12.9%	84.2%	79.1%
Dầu WTI	▲	2.48%	5.3%	73.4%	70.2%
Khí gas	▼	-1.1%	-7.0%	-25.2%	-20.1%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-9.3%	34.7%	34.7%
Thép HRC (*)	▼	-0.4%	-2.2%	-0.8%	-1.7%
PVC (*)	▲	1.9%	5.9%	9.8%	7.5%
Phân Urea	▬	0.0%	-6.0%	19.4%	16.2%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.7%	5.2%	41.4%	47.2%
Bông Cotton	▼	-0.9%	1.7%	26.1%	27.2%
Đường	▬	0.8%	17.2%	37.3%	36.5%
World Container Index	▲	2.2%	1.9%	107.2%	171.7%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.4%	39.0%	443.3%	484.5%
Vàng	▼	-1.95%	-6.9%	-6.0%	-0.9%
Bạc	▼	-3.75%	-16.8%	-22.1%	15.1%

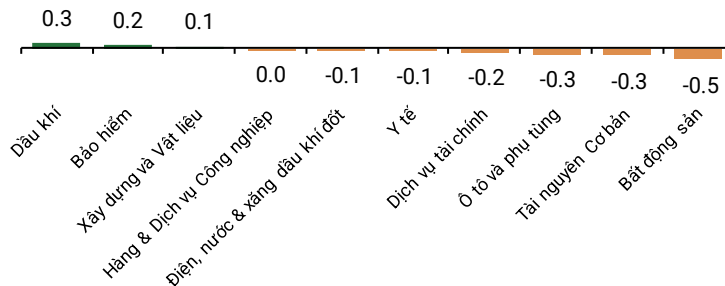
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

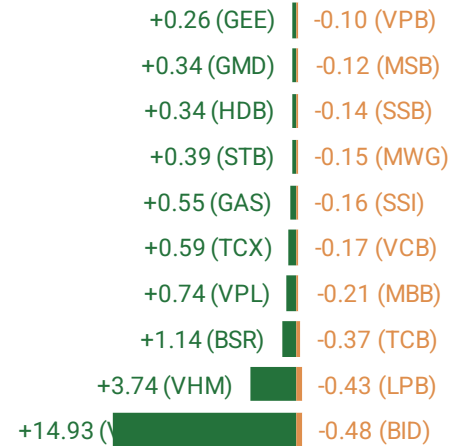
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



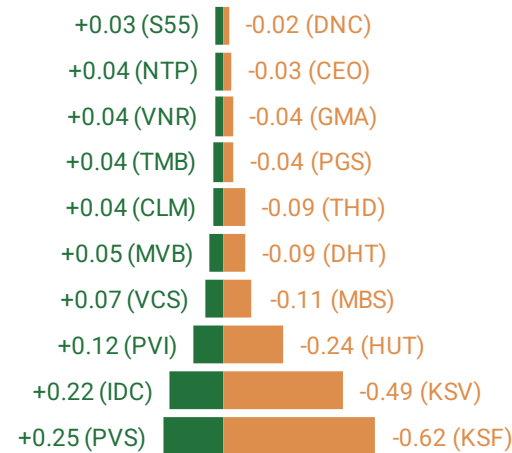
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

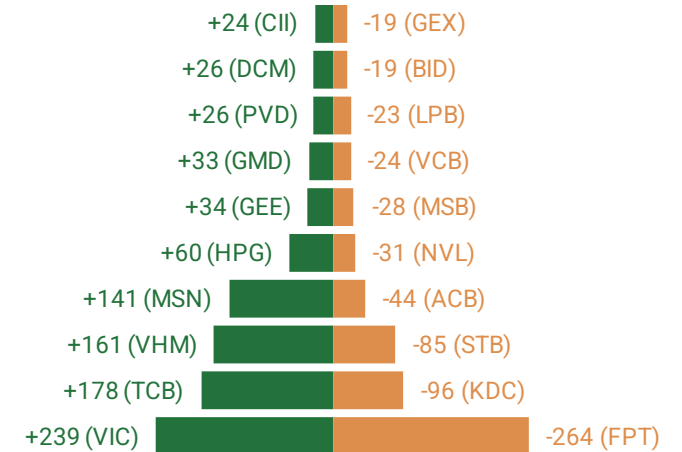


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

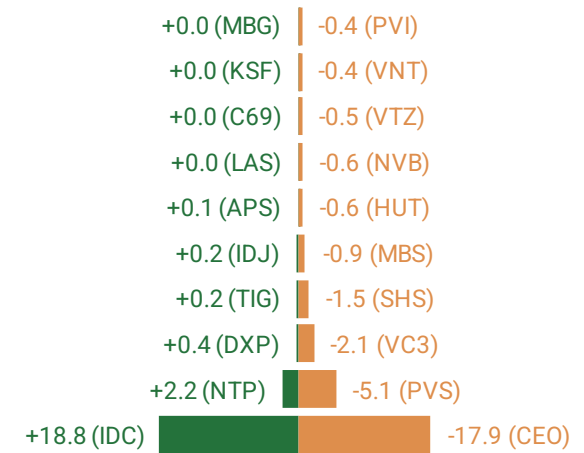


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VHM	VIC	FPT	TCB	SHB
%DoD	3.6%	4.2%	0.0%	-0.7%	0.0%
Giá trị	887	606	583	500	423

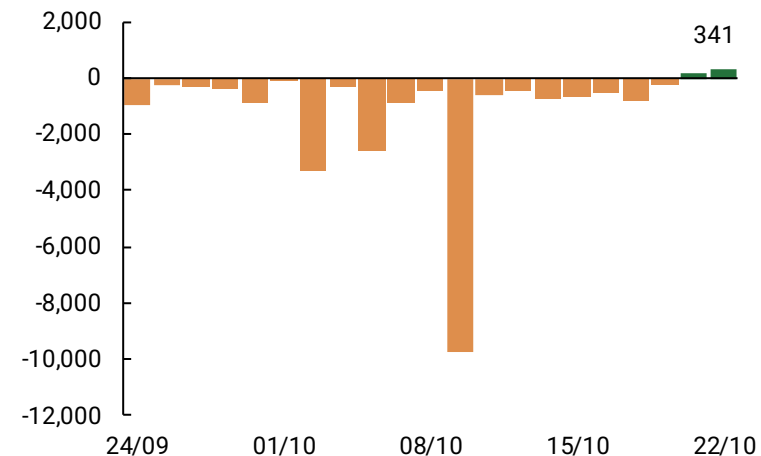
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	TCB	MSB	HDB	SHB	VCB
%DoD	-0.7%	-1.0%	1.1%	0.0%	-0.2%
Giá trị	278	248	195	179	128

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



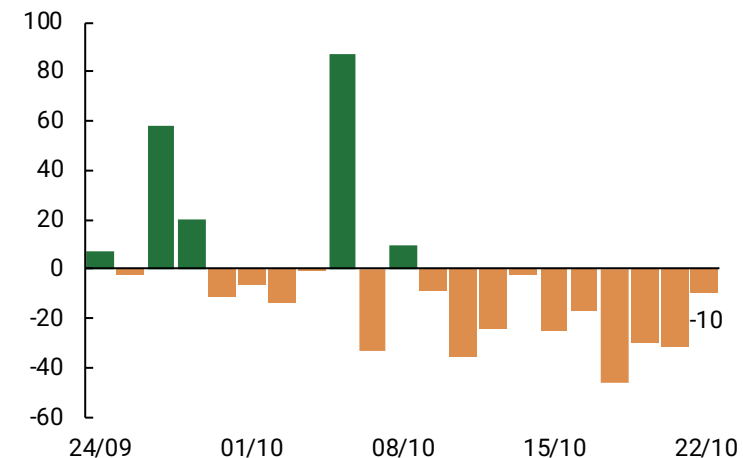
	SHS	CEO	PVS	VC3	MBS
%DoD	0.0%	-0.9%	2.2%	-0.9%	-1.3%
Giá trị	168	96	94	67	43

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	IDC	MST	NTP	DHT	TIG
%DoD	2.6%	-1.1%	0.6%	-3.1%	1.9%
Giá trị	72	16	10	3	2

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh thân nhỏ, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 | 1700.
- ✓ Kháng cự: 1760 | 1820.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong kênh điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 1760–1770 điểm, nơi áp lực giằng co sẽ gia tăng. Đà tăng hiện phụ thuộc lớn vào nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là họ Vin, khiến biến động tại các cổ phiếu này tiếp tục tác động đáng kể đến diễn biến chỉ số. Vùng 1720 điểm là ngưỡng hỗ trợ cần duy trì để bảo toàn cấu trúc phục hồi hiện tại. Trong khi đó, thanh khoản suy giảm cho thấy lực cầu chưa thực sự đồng thuận. Chỉ số có thể cần tích lũy trở lại để củng cố đà tăng.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning Top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1840
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1950.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: : Phục hồi kỹ thuật trong kênh điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** VN30 đã vượt trên ngưỡng 1880 điểm củng cố nhịp phục hồi kỹ thuật, mục tiêu hướng tới kiểm định kháng cự 1920 điểm. Dù vậy, biến động ở nhóm vốn hóa lớn có thể tiếp tục gia tăng rung lắc. Hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 1840 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	ANV	BUY	Current price		18.90	P/E (x)	4.7	
			Action price	22/10	18.6 - 18.8	P/B (x)	1.4	
Exchange	HOSE					EPS	3991.7	
			Target price		21	12.3%	ROE	30.3%
Sector	Farming & Fishing		Cut loss		17.2	-8.0%	Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt MA10 ngày, mang tính thiết lập nền giá mới.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal cùng RSI dao động ổn định trên vùng cao, hàm ý động tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng tạo đáy ngắn hạn và có thể tiếp tục nhịp hồi phục.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	TCH	BUY	Current price	12.00	P/E (x)	50.3
Exchange	HOSE		Action price	22/10 11.85 - 11.95	P/B (x)	1.0
Sector	Real Estate Holding & Development		Target price	13.2	EPS	238.5
			Cut loss	11	ROE	1.8%
					Stock Rating	BB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định lực cầu tốt sau nền tăng Marubozu.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal cùng RSI dao động ổn định trên vùng cao, hàm ý động tăng phục hồi.
- ➔ Xu hướng tạo đáy ngắn hạn và có thể tiếp tục nhịp hồi phục.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ANV	Mua	22/10/2026	18.9	18.6 - 18.8	-	21	12.3%	17.2	-8.0%	Cập nhật trên Elite Picks
2	TCH	Mua	22/10/2026	12	11.85 - 11.95	-	13.2	10.9%	11	-7.6%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	CSV	Mua	21/10/2026	-	23.85	23.7 - 23.9	0.2%	26	9.2%	22	-7.6%	
2	TCB	Mua	21/10/2026	-	34.15	34.1 - 34.4	-0.3%	38	10.9%	32	-6.6%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1894.0, tăng 2.0 điểm (+0.1%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Giá biến động theo cả hai chiều và thu hẹp biên độ về cuối phiên.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn vận động trên đường tín hiệu cùng RSI duy trì trên ngưỡng trung bình, cho thấy động lượng tăng chưa bị phủ định. Dù vậy, khu vực 1900 là cản tâm lý mạnh, chiều Long chỉ nên cân nhận khi tín hiệu bứt phá rõ ràng. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1882.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1797, tăng 5.0 điểm (+0.3%). Độ lệch basis 0.2 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 10 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1790 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1810 điểm.

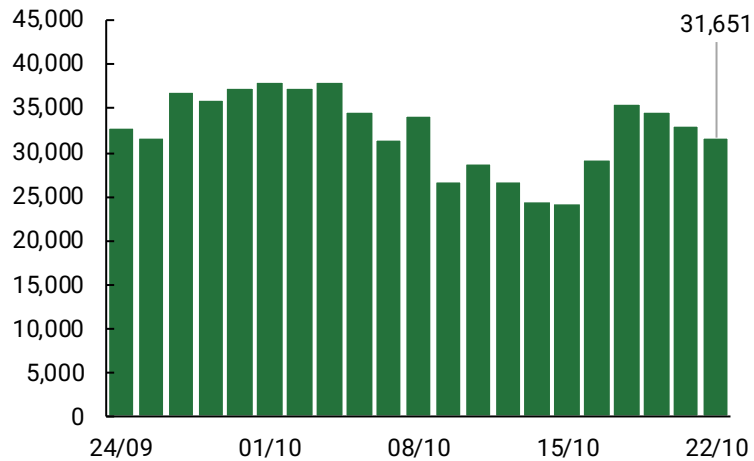
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1900	1915	1892	15 : 8
Short	< 1882	1866	1890	16 : 8

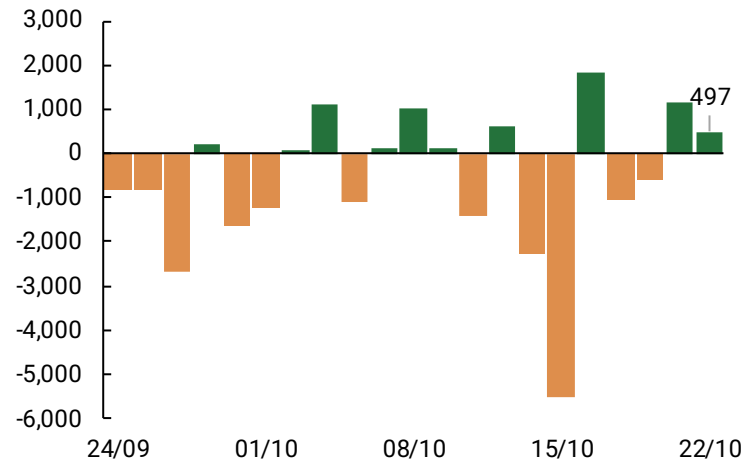
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H6000	1,890.3	28.7	13	16	1,914.2	-23.9	17/06/2027	238
4111H3000	1,888.3	-1.6	76	335	1,906.1	-17.8	18/03/2027	147
4111GC000	1,892.9	1.9	233	1,179	1,898.0	-5.1	17/12/2026	56
4111GB000	1,894.0	2.0	165,345	31,651	1,895.5	-1.5	19/11/2026	28
4112GB000	1,797.0	5.0	10	32	1,799.6	-2.6	19/11/2026	28

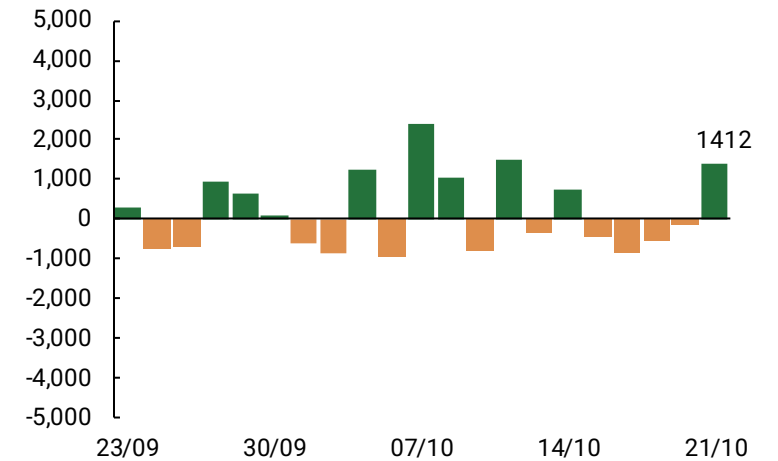
Khối lượng mở (Open interest)



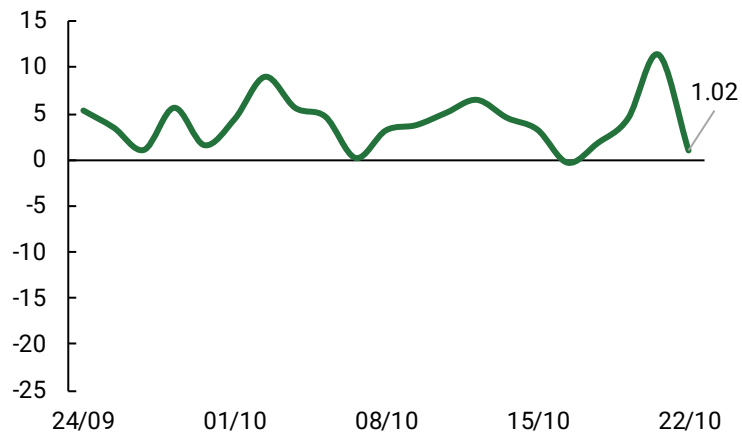
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



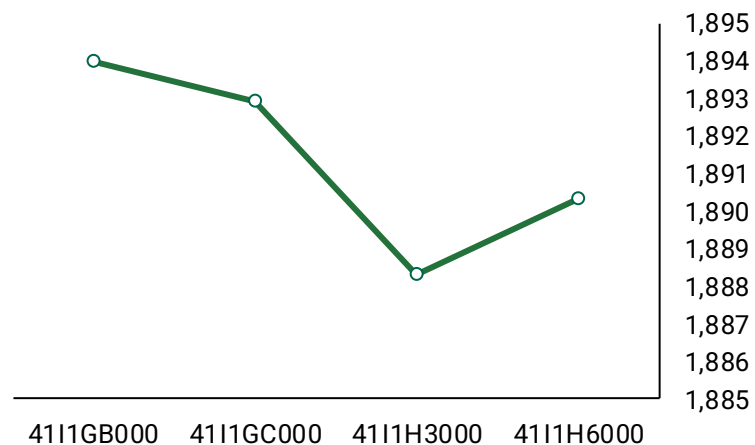
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



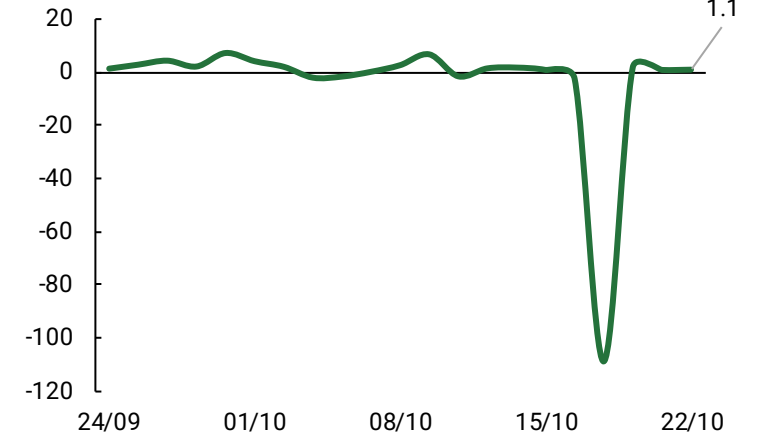
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/10	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
02/10	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 3/2026
07/10	Việt Nam – FTSE Russell công bố xếp hạng thị trường
14/10	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
14 – 15/10	Mỹ – Chỉ số CPI Mỹ – Chỉ số PPI
15/10	Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
19/10	Trung Quốc – GDP Q3, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/10	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Hạn BCTC quý 3/2026 đơn lẻ
29/10	Mỹ – Fed công bố lãi suất, GDP Q3 lần đầu, Chỉ số PCE EU – ECB công bố lãi suất
30/10	Việt Nam – Danh mục HNX30 có hiệu lực; Hạn BCTC quý 3/2026

THÔNG TIN VĨ MÔ

Quốc hội xem xét dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản sửa đổi, cắt giảm 7 điều kiện kinh doanh: Sáng 22/10, Quốc hội nghe Tờ trình dự án Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) gồm 10 chương, 61 điều, giảm 22 điều so với luật năm 2023. Dự thảo cắt giảm 4/12 thủ tục hành chính và 7 điều kiện đầu tư kinh doanh; bổ sung quy trình giao dịch bất động sản, mã định danh điện tử, cơ chế bảo đảm 5% giá trị còn lại của hợp đồng qua tài khoản phong tỏa, và phân quyền cho UBND cấp tỉnh quyết định chuyển nhượng dự án.

AIIB chuẩn bị khoản vay 300 triệu USD hỗ trợ Việt Nam tăng trưởng xanh: Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) đang chuẩn bị chương trình cho vay 300 triệu USD hỗ trợ Việt Nam tăng trưởng xanh và chuyển đổi năng lượng công bằng, đồng tài trợ với KfW, dự kiến phê duyệt trong quý 4/2026. Chương trình tập trung vào cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh như thị trường carbon và xe điện, tháo gỡ rào cản thu hút vốn tư nhân vào năng lượng tái tạo, và cải thiện khả năng tiếp cận vốn ODA.

Ngân hàng trung ương Hàn Quốc giữ nguyên lãi suất ở mức 3%: Ngày 22/10, BoK giữ nguyên lãi suất chính sách ở mức 3% sau hai đợt tăng liên tiếp vào tháng 7 và tháng 8, để đánh giá tác động của các đợt tăng trước và các rủi ro trong nước, quốc tế, trong đó có xung đột Trung Đông. Lạm phát tháng 9 của Hàn Quốc ở mức 2.9%, bằng hoặc cao hơn mục tiêu 2% trong 13 tháng qua; Thống đốc BoK cho biết sẽ duy trì chính sách thắt chặt cho đến khi tin tưởng lạm phát quay về mục tiêu.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MSN - Masan đạt LNST quý 3 là 3,671 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ: Quý 3/2026, Masan đạt doanh thu thuần 36,981 tỷ đồng (+74.7% YoY) và LNST thuộc cổ đông công ty mẹ 3,671 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần 89,118 tỷ đồng (+52.7%), LNST thuộc cổ đông công ty mẹ 8,042 tỷ đồng, gấp 3.1 lần, vượt kế hoạch lợi nhuận cơ sở cả năm.

MCH - Masan Consumer: doanh thu quý 3 tăng 16.3%, cao nhất 3 năm: Quý 3/2026, Masan Consumer đạt doanh thu 8,743 tỷ đồng (+16.3% YoY), tốc độ tăng theo quý cao nhất trong ba năm; LNST trước lợi ích cổ đông thiểu số tăng 14.1%, biên lợi nhuận ròng 22.2%. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 24,380 tỷ đồng (+14.6%), LNST khoảng 5,217 tỷ đồng (+12.1%).

DBC - Dabaco: LNST quý 3 đạt 200 tỷ đồng, giảm 42% YoY: Quý 3/2026, DBC đạt doanh thu thuần 5,138 tỷ đồng (+37% YoY) nhưng giá vốn tăng 47%, lợi nhuận gộp giảm 10% còn 588 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp giảm từ 17.4% xuống 11.4%. LNST đạt 200 tỷ đồng (-42%), quý thứ 4 liên tiếp giảm lợi nhuận; công ty giải trình lãi ròng đi lùi do giá heo hơi giảm. Lũy kế 9 tháng, LNST 863 tỷ đồng (-36%).

LPB - LPBank đạt LNTT 9 tháng 10,421 tỷ đồng, hoàn thành 70% kế hoạch năm: Theo BCTC quý 3/2026, LPBank đạt LNTT quý 3 là 4,448 tỷ đồng (+29% YoY); lũy kế 9 tháng 10,421 tỷ đồng (+9%), hoàn thành 70% kế hoạch 14,982 tỷ đồng. Tổng tài sản đạt 694,183 tỷ đồng (+29% YoY); dư nợ cho vay khách hàng 481,570 tỷ đồng, tăng 23% so với đầu năm; huy động vốn thị trường 1 đạt 520,976 tỷ đồng, tăng 30% so với đầu năm.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	29,200	31,150	6.7%	Nắm giữ
CTG	30,550	40,700	33.2%	Mua
CTD	65,500	82,900	26.6%	Mua
DBD	46,750	66,000	41.2%	Mua
DDV	17,703	35,900	102.8%	Mua
DGW	45,700	46,500	1.8%	Nắm giữ
DPG	30,400	42,300	39.1%	Mua
DPR	38,350	46,500	21.3%	Mua
DRI	15,165	17,200	13.4%	Tăng tỷ trọng
EVF	12,000	14,400	20.0%	Tăng tỷ trọng
FRT	151,500	177,400	17.1%	Tăng tỷ trọng
GMD	57,500	92,400	60.7%	Mua
HAH	50,900	58,300	14.5%	Tăng tỷ trọng
HDG	15,450	30,900	100.0%	Mua
HHV	9,740	11,700	20.1%	Mua
HPG	21,250	28,700	35.1%	Mua
IMP	35,600	54,400	52.8%	Mua
KDH	14,900	35,300	136.9%	Mua
MCH	141,000	146,500	3.9%	Nắm giữ
MWG	75,300	115,600	53.5%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,900	27,500	38.2%	Mua
NLG	23,150	39,400	70.2%	Mua
NT2	24,350	27,700	13.8%	Tăng tỷ trọng
PHR	32,550	39,500	21.4%	Mua
PVS	32,500	33,250	2.3%	
PVT	23,600	26,000	10.2%	Tăng tỷ trọng
POW	12,550	17,500	39.4%	Mua
SAB	43,400	54,900	26.5%	Mua
SSI	20,150	31,200	54.8%	Mua
TLG	55,900	50,000	-10.6%	Bán
TCB	34,150	41,700	22.1%	Mua
TCM	15,550	35,300	127.0%	Mua
TRC	22,850	22,950	0.4%	Nắm giữ
VCB	56,300	79,700	41.6%	Mua
VPB	23,950	28,960	20.9%	Mua
VCG	15,500	23,300	50.3%	Mua
VHC	51,500	58,000	12.6%	Tăng tỷ trọng
VNM	58,100	66,650	14.7%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415